



Tết Ất Mùi, 2 tháng trước sinh nhật thứ 78 (4/2015)

Sài Gòn miền đất dung dị và dễ hội nhập. Người đến đây ở một năm hay vài năm thì vẫn dễ dàng nhận mình là người Sài Gòn.

Thời gian tôi cư ngụ ở Sài Gòn tổng cộng hơn 20 năm, tuy không liên tục thì tôi nhận là người Sài Gòn chắc không quá đáng. Vả lại tôi thích nhận là người Sài Gòn có lẽ:

*“Gỏi nào bằng gỏi cá Mai,
Trai nào lịch sự bằng trai Sài Gòn”.*

Sài Gòn trong những năm đầu thập niên 50 còn đơn sơ không kiêu kỳ lắm. Người còn thưa thớt. Xe cộ không là bao, những chiếc taxi hiệu Renault sơn hai màu xanh trắng. Phương tiện đi lại là cyclo máy, cyclo đạp, xe thổ mộ. Buổi sáng những chiếc xe một ngựa kéo, xe thổ mộ chở cây trái rau quả miệt vườn ngoại ô vào Sài

SÀI GÒN NỖI NHỚ

Thầy Trương Văn Nghi

Gòn. Tiếng vó ngựa lộc cộc gõ đều trên đường nhựa tạo một âm thanh, một hình ảnh rất thơ mộng, ngộ nghĩnh.

Những con đường còn mang tên bằng tiếng Pháp: Catinat, Verdun, Gallieni ...

Chúng tôi thuê nhà vùng Hòa Hưng. Con đường Nguyễn Thông chạy bên hông trường Nữ Trung Học Gia Long, trước mặt chùa Xá Lợi là con đường tôi thường đi lại. Cuối đường Nguyễn Thông là giáp vòng thành ga xe lửa Hòa Hưng. Mái nhà lợp tôn, vách ván, đêm mưa lộp bộp trên mái tôn, gió lùa khe vách thấm lạnh hồn tôi.

Chúng tôi ăn cơm ở các quán cơm bình dân trên đường Kỳ Đồng xé đôi diện với nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Trưa đi học về ghé ăn cơm. Món ăn rất Nam Kỳ: thịt, trứng kho nước dừa, tôm ram mặn cũng nước dừa luôn, canh chua cá bông lau ... Nước dừa có lẽ là cái “gu” của miền Nam. Buổi chiều thì đi bộ ra quán ăn. Quãng đường dài độ vài trăm mét ngang trước nhà thờ Chúa Cứu Thế. Mỗi bữa ăn giá độ vài ba đồng. Đồng tiền bấy giờ rất có giá. Cách xài tiền cũng rất ngộ. Một đồng mà muốn thối 5 cắc thì chỉ việc xé đôi. Giản dị như vậy thôi.

Thời đi học, Sài Gòn có nhiều thứ đáng nhớ lắm.

Đêm càng về khuya, cái xóm lao động như chìm vào giấc ngủ mệt mỏi. Dưới ngọn đèn khuya, học đêm thật là khổ, muỗi đốt, trèm chần thì nóng, mồ hôi ướt đẫm. Cái

thi cử thời bấy giờ (57-58...) hóc búa lắm. Mười người đi thi chỉ đỗ 4 hoặc 5. Thi rớt là đi lính, “Không đỗ Tú Tài, anh đi Trung Sĩ”. Sợ lắm!

Buổi cơm hồi chiều như tiêu hết từ lâu. Đầu ngõ vang vọng tiếng xe mì gõ “sực tắc...sực tắc...”. Tiếng rao lanh lảnh “Ai ăn chè bột khoai bún tàu đường c.á.t.. (kéo dài âm cát) hôn”. Tiếng mời chào “Ai ăn hột dịch (vịt) lộn hôn”, “Ai ăn bắp nấu nóng hời”, “Mía hấp hôn”. Giá gì lúc đó có một trái bắp thì tuyệt cú mèo. Đời học sinh nghèo làm gì dám mơ một tô hủ tiếu. Tô hủ tiếu với những sợi bánh trắng muốt, cọng hành xanh, vài lát xá xíu và miếng bánh tôm chiên phồng vàng ngậy. Cái thềm ăn của tuổi 15, 17 nói sao cho hết...

Rồi một dòng người di cư từ Bắc vào tạo thành một nếp sống rất ư là phong phú.

Miền Nam, Sài Gòn dần ổn định. Sinh hoạt khởi sắc tạo một nền Cộng Hòa tươi đẹp.

Chín năm (1954-1963) là chiếc hài vạn dặm. Đất nước thanh bình, phát triển mọi mặt sánh vai cùng năm châu bốn biển tự

hào là “Hòn Ngọc Viễn Đông”.

Gần cuối thời đệ nhất Cộng Hòa, tôi xa Sài Gòn đến dạy học tại trường Trung học Vạn Ninh (Khánh Hòa). Vạn Ninh tên đẹp như lòng người dân ở đó. Tu Bông, Xuân Tụ, Mỹ Đồng thật thân thương. Nhiều kỷ niệm ở đây tôi không làm sao quên được.

Cuối năm 1965 tôi lập gia đình. Tôi vẫn thường đùa với nhà tôi: Anh là trai Sài Gòn còn em là gái Bắc Ninh. “Em gái Bắc Ninh, anh trai Biên Hòa”.

Nha Trang miền quê hương cát trắng ghi lại trong tôi nhiều kỷ niệm. Bóng dáng cô nữ sinh lớp Đệ Tứ (1959) của một trường nữ trung học, cũng là cô hàng xóm của tôi. Cô học kém tôi 3 lớp. Có một lần trong đoàn người rước kiệu Đức Mẹ ngang qua đường Độc Lập, cô đã trao cho tôi quyển kinh Thánh và xâu chuỗi hạt mân côi. Cô là con gái một nhà buôn, thâu làm đồ lưu niệm cho quân đội. Sáng hôm sau, cô đến tìm tôi để lấy lại vật vừa trao đêm hôm trước. Cô gái ấy có giống anh chàng trong bản “Cây đàn bỏ quên” không! “Hôm xưa tôi đến nhà em. Ra về mới nhớ rằng quên, quên cây đàn. Đêm qua thao thức mơ



Chợ Bến Thành 1964

màng ...”. Phải chăng nàng có dụng ý đưa tôi quyền Thánh Kinh để hôm sau đến lấy lại?

Sáu năm sau (1965) tôi đến Nha Trang trong một mùa thi. Cuộc thi tuyển sinh trường Sư Phạm ban hai năm. Sau kỳ thi viết thì liền là kỳ vấn đáp. Ban giám khảo hỏi vấn đáp không hỏi bài học, môn học mà chú trọng vào kiến thức phổ thông, cách xử thế, quan điểm sống ... Tôi cùng với cô Ng. giáo sư trường Trung Học Diên Khánh (Nha Trang) phụ trách phòng thi. Có lẽ cô Ng. còn mãi “theo dõi bước anh đi”, nên mọi việc cô giao hết cho tôi. Phu quân Cô là một Đại Úy đóng ở miền xa.

Một nữ thí sinh vóc người bé nhỏ. Khuôn mặt tươi sáng rạng rỡ. Cử chỉ khoan thai có chút rụt rè. Cô mặc một áo dài màu hoàng yến. Tôi xem trong hồ sơ học trình biết cô có bằng Tú Tài toàn phần. Thí sinh khóa Sư Phạm này không bắt buộc có bằng Tú Tài II. Tôi hỏi: “Sao em lại thi vào đây? Sao không cố gắng vào các trường Đại Học?”. Đôi mắt em thoáng buồn và nhỏ nhẹ đáp: “Em biết đường vào Đại Học còn lắm chông gai. Người ta có

tiền chạy chọt, có thể lực ... thừa Thầy. Người thi vào Đại Học rớt rụng như lá mùa Thu. Em chọn con đường ít gian lao, rồi lần bước tìm đường tiến thân”.

Tôi nghĩ bụng em thí sinh này biết thời thế. Cái thời kim tiền nhất hạng. Câu chuyện đang trao đổi thì thầy P.B. giáo sư trường TBT (Ninh hòa, K.H.) là Giám Thị Hành Lang vào ngồi cạnh tôi. Thầy B. xem ra chú ý cô nữ thí sinh này. Thầy B. hỏi tôi điểm vấn đáp của cô. Dĩ nhiên là tôi có quyền từ chối vì nhiệm vụ Giám Thị Hành Lang chỉ cần khi Giám Thị Phòng yêu cầu. Nhưng vì tình đồng nghiệp, tôi cho thầy B. biết là tôi cho điểm tối đa. Không biết sau đó cô thí sinh này có đỗ hay không. Lạy trời cho cô bé ngoan hiền đó toại nguyện.

Tôi trở lại Sài Gòn (1966) và sống liên tục ở đây 15 năm (1981). Sài Gòn với những con đường rộng thênh thang “cây dài bóng mát”, với khung trời Đại Học, với phố xá đông người. Đường Lê Lợi, Lê Thánh Tôn ... dập diu tài tử giai nhân. Sài Gòn về đêm lại càng khởi sắc. Dạo phố lang thang, mệt ghé vào quán kem Givral, Thanh Bạch hay dừng chân ăn đĩa bò khô



Ngã Tư Lê Lợi và Nguyễn Huệ 1974

đu đủ, uống ly nước mía Viễn Đông trên đường Pasteur. Những rạp chiếu bóng thường trực thu hút bọn học sinh, sinh viên. Chúng tôi trốn học đi xem những phim hay: Một Lần Cuối Tôi Thấy Paris, Cuốn Theo Chiều Gió, Chiến Tranh Và Hòa Bình. Rạp máy lạnh cho chúng tôi trốn cái nóng Sài Gòn.

Mùa hè năm 1966, tôi và nhà tôi được chuyển về Sài Gòn. Ôi sung sướng biết là chừng nào! Từ một quận xa xôi hẻo lánh ngoài miền Trung mà được về thủ đô thì như một giấc mộng.

Về Sài Gòn mới là một bước đầu, nhưng tìm trường để dạy là bước rất khó. Sài Gòn, người tài giỏi rất nhiều, người thế lực không hiếm và người giàu tiền, giàu bạc cũng không ít. Chúng tôi chờ gần hết Hè. Ngày khai giảng năm học đã qua gần hai tháng. Các trường vẫn không có nhu cầu. May sao lúc gần tuyệt vọng thì trường Trung Tiểu Học Trung Thu (Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia) có văn thư xin người. Chúng tôi không bỏ lỡ cơ hội. Nếu không nhận thì rồi không miền Trung thì cũng

miền Tây: Long Xuyên, Châu Đốc...

Trước khi ký sự vụ lệnh bổ dụng, ông Giám Đốc Nha Trung Học (Giáo sư ĐXT) dặn dò chúng tôi kỹ lưỡng. Ông nói, về đây mình là “con nuôi”, thói ăn nết ở khôn ngoan - phải ý tứ tế nhị. Ông cho biết, trước đây đã có hai vị giáo sư về trường này. Quý vị ấy gần như phải theo qui chế của ngành, nghĩa là phải trực gác, ứng chiến... Trong tình thế này thôi thì “một liều ba bảy cũng liều”.

Khi đến trình diện thì mọi sự đều khác với nỗi lo ban đầu. Ông Hiệu Trưởng HYV rất niềm nở, lịch sự và thân tình. Ông vừa là sĩ quan Cảnh Sát vừa là giáo sư tốt nghiệp ĐHSP/SG. Ông cần cù, tận tụy với chức vụ. Ngoài công việc, ông vẫn còn theo học để hoàn tất bằng cử nhân Khoa Học. Một hay hai năm sau, thầy Hiệu Trưởng HYV được điều đi giữ một chức vụ chuyên môn trong ngành Cảnh Sát. Bà HT LTMN kế nhiệm. Lúc đầu bà ấy sợ lắm, không nhận. Nhưng với nhu cầu và với sự hỗ trợ của các giáo sư cũng như các cấp chỉ huy Cảnh Sát, bà nhận lời.



Đường Tự Do 1967 – Rạp Chiếu bóng Eden

Trường bảy giờ (1966-1967) mới có đến lớp Đệ Lục (lớp 7 bây giờ). Trường gồm hai dãy nhà tiền chế. Mái là fibrocement, vách là rơm ép. Mái nhà thấp nhưng rất mát vào mùa Hè, ấm vào mùa Đông. Sân trường còn là bãi đất thấp. Trời mưa sân đọng nhiều vũng nước, lũ gà vịt bơi lội y như một trang trại gia súc. Đâu đó là những khung sườn xe hơi, sắt phế thải... Sau này dần dần với đà phát triển, trường mới xây thêm những dãy lầu đúc 2, 3 tầng. Nền nhà thấp, những giọt mưa từ trên mái rơi xuống bắn tung tóe lên cả dãy hành lang. Những chiếc bong bóng nước bập bênh theo chiều gió trôi dạt về một phía, có chiếc vừa phồng đã vỡ tan ngay. Những năm tháng này cuộc chiến khá khốc liệt, mạng người cũng mong manh như bong bóng nước. Những chàng trai tuổi vừa đôi mươi đã sớm rời trường gia nhập quân đội. Họ là những:

*“Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên theo nghiệp đao cung”.*
(Chinh Phụ Ngâm)

Ra đi mà không hẹn ngày về. Họ ra đi vì

danh dự, vì trách nhiệm với Tổ Quốc.

Chiến tranh

*“Ôi đến bao giờ chinh chiến hết
Hỏi làm chi nhĩ chuyện hoang đường
Than làm chi nhĩ đời ly loạn
Vạn vật từ xưa vẫn chủ trương”*
(thơ Đông Hồ)

Năm 1968 tôi nhập ngũ theo lệnh “tổng động viên”. Thời gian huấn luyện quân sự để ra sĩ quan được chia 2 giai đoạn. Giai đoạn một, học 9 tuần ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Giai đoạn hai, học 7 tháng ở Trường Sĩ Quan Thủ Đức. Tôi không phải ra đơn vị tác chiến mà được biệt phái trở lại dạy học.

Trường Trung Thu đến lúc này cũng chưa xây mới, vẫn “nhà tranh vách đất” (đùa thôi) nhưng tình người (thầy trò) rất nồng thắm. Tình cảm đó đến nay đã nửa thế kỷ (1966 - 2016) vẫn nguyên vẹn. Với những lần Hội Ngộ gặp lại bạn bè đồng nghiệp, gặp lại các em học sinh thân yêu thì vẫn như ngày nào trước 1975. Sài Gòn thế đó bảo sao tôi không nhớ, nhớ như nhớ



Các Thầy Cô được các em HS tặng quà lưu niệm

người tình “nhớ ai ra ngân vào ngo”. Tuổi càng cao hoài niệm càng dâng trào. Tuổi già sống bằng kỷ niệm dĩ vãng.

Trong tôi, trường Trung Thu có nhiều kỷ niệm lắm. Tôi còn nhớ chuyện các nữ giáo sư lấy giấy thấm nước lau giày bị lấm bùn đất khi đi băng qua sân trường. Các cô chăm chút, nữ tính mà. Các thầy thì mặc kệ, dơ cho nó dơ, có chết ai đâu! Các thầy đa số là quân nhân biệt phái, có lẽ đã quen lối sống “giang hồ quen thói vấy vùng”.

Theo với thời gian, trường trở nên bề thế, khang trang. Học sinh đông hơn. Thầy cô, cả hai ngành, bên Bộ Giáo Dục và bên Bộ TL/CSQG đổi về nhiều hơn. Trường tạo nhiều thành quả tốt đẹp. Có năm trong kỳ thi Tú Tài II, học sinh đỗ 100%. Trường được trao tặng giải thưởng danh dự về văn nghệ do thầy THL và nhạc sĩ MK hướng dẫn.

Những năm tháng dạy ở Trung Thu là những kỷ niệm đẹp. Trung Thu là ngôi trường thứ hai sau Trung Học Vạn Ninh, Nha Trang (Khánh Hòa) của tôi.

Thế rồi cơn cuồng phong tháng 4/75 sập đến. Chúng tôi, thầy cô và học sinh như

đàn chim vỡ tổ, tản mác khắp bốn phương trời.

Nhớ về Sài Gòn, nhớ về trường xưa như một kỷ niệm khó quên. “Lòng trần còn tơ vương khanh tướng thì đường trần mưa bay gió cuốn, còn nhiều...” Bây giờ tuổi đời gần 78, lòng trần không còn tơ vương khanh tướng nhưng đường trần vẫn còn mưa bay gió cuốn. Cuốn đi một quãng đời rất đẹp, một lý tưởng đáng sống, một nền giáo dục Nhân Bản mà mình đã phục vụ.

Sài Gòn có những con đường mà hai bên là đầm lầy với nhịp cầu ván bắt qua để vào xóm nhỏ lao động. “Đường về đêm đêm mưa rơi ướt bước ... Nhìn vào khe song trông anh ốm yếu ho hen ...”. Cái cao sang quyền quý người ta dễ quên hơn cái nghèo khó đói rách. Tôi đã từng sống trong những xóm nghèo này, tôi thấy thương và ray rứt khôn nguôi. Sài Gòn nổi nhớ trong tôi là thế đó!

Sài Gòn không có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Sài Gòn chỉ có hai mùa: mưa, nắng.

Cái nắng Sài Gòn làm sao mà thi sĩ Nguyễn Sa, giáo sư Trần Bích Lan lại có



Bến Bạch Đằng 1967

thể cảm nhận: “Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát”. Mưa Sài Gòn không lê thê như “Mưa trên phố Huế” của nhạc sĩ Minh Kỳ (Vĩnh Mỹ). Ông là Đại Úy CS, giáo sư âm nhạc trường Trung Thu (Bộ TL/CSQG) cùng với tôi. Ông đã tử nạn ngay trong những ngày đầu tiên trong trại cải tạo vì một quả lựu đạn xóa sổ quýt nợ của người ta rồi vu là của bọn phản động. Nếu bọn phản động thì phải là nhạc sĩ Minh Kỳ và bọn tù cải tạo chứ không ai khác.

Thảo Cầm Viên (Sở Thú), Vườn Tao Đàn, Bến Bạch Đằng là những nơi tôi thường đưa gia đình đến đây chơi. Vườn Tao Đàn không có lá vàng rơi trên vai những pho tượng trắng. Công viên râm vang tiếng ve sầu mỗi độ hè về như chia xẻ nỗi niềm của:

*“Dãm gã thư sinh vừa lạc đê,
Mười nàng Xuân nữ sớm chìm châu”.*

(thơ Vũ Hoàng Chương)

Những cơn mưa chiều xô nghiêng ngã hàng cây. Lá rơi rụng tơi bời. Và sau đó bầu trời lóe tia nắng vàng ươm. Không khí oi nồng. Sinh hoạt lại tập nập người qua lại. Thời còn là học sinh tôi đã phải chạy

vội để tranh một chỗ đứng trên xe buýt “công quản công cộng” về nhà. Giao điểm trao đổi chuyển tuyến đường là công viên trước chợ Bến Thành. Chúng tôi gọi là vùng bao la. Vui lắm bạn ơi!

Thế rồi một ngày cuối tháng tư, Sài Gòn thay đổi, mất đi cái duyên dáng của nó, mất đi cái chân chất tình người: “Sài Gòn bây giờ ngoảnh mặt làm ngơ”.

Những con đường Sài Gòn có 2 lần đổi tên. Lần thứ nhất tên đường bằng tiếng Pháp đổi sang tên tiếng Việt: Catinat thành Tự Do, Chasseloup Laubat đổi thành Hồng Thập Tự, Galliéni thành Trần Hưng Đạo... Lần thứ hai: tên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa thay tên đường Công Lý. Đường Đồng Khởi đổi mất tên đường Tự Do. Trong lần đổi tên đường lần này có sự vô tình mà người dân Sài Gòn làm thành hai câu thơ 7 chữ rất ý nghĩa.

Sài Gòn vẫn hai mùa: mưa, nắng vô tình. Sài Gòn những năm sau 1975 xơ xác điêu hiu. Tôi nhớ thương: “Sài Gòn ơi ta mất người trong cuộc đời. Ta mất người như người đã mất tên”.

Có một lần Sài Gòn không hưởng trọn



Đường Trần Hưng Đạo 1968

hương Xuân. Và có một thời Sài Gòn đẽ mất quá nhiều người. Hòa bình đến nhưng lại là chia lìa. Sài Gòn đẽ mất cơ hội! Người ta đẽ mất những con người tử tế. Con người biết tự trọng: ăn cái giấy gói kẹo cũng bỏ túi đem về nhà vứt sọt rác. Trên đường lái xe, đêm vắng không bóng dáng một anh Cảnh Sát, và khi đến nơi có đèn hiệu dừng lại thì dừng (full stop), chờ đèn hiệu đổi màu xanh rồi mới đi.

Sài Gòn đánh mất cái tình tự dân tộc thiêng liêng. Cái tình tự hun đúc nên văn hóa làng xã sau lũy tre xanh, tạo nên ý chí đấu tranh giữ vững nền tự chủ, độc lập của quê cha đất tổ. Người ta đã đánh mất cái hào khí của ngày nào trên sông Bạch Đằng, cái hào hùng của chiến thắng Đống Đa, cái dũng mãnh của Phù Đổng Thiên Vương. Và cái son sắt “thù chồng đền nợ nước” của Hai Bà Trưng.

Sài Gòn trong tôi là những năm tháng trải dài từ 1954 đến 1981 (27 năm), cắt quãng một năm (1959) học ở Nha Trang và 4 năm (1962-1966) dạy học ở trường Trung

Học Vạn Ninh (Khánh Hòa).

Hai mươi hai năm sống với nhiều kỷ niệm của thời học sinh, sinh viên, của thời đi dạy học ở Sài Gòn làm sao tôi nguôi nổi nhớ.

Năm 2005 tôi có việc về lại Sài Gòn. Cái thủ đô miền Nam ngày nào bây giờ làm tôi sửng sờ. Sài Gòn thay đổi nhiều quá! Tôi thả bộ từ chợ Bến Thành dọc Lê Lợi qua Nguyễn Huệ xuống bến Bạch Đằng. Tôi ngồi trên ghé đá công viên có tượng đài Đức Trần Hưng Đạo, nhìn dòng sông nước đang chảy xuôi ra biển cả, biển Đông ôm trọn giải đất hình chữ S. Nhưng, Việt Nam tôi đâu?

Bây giờ nơi quê hương thứ hai, cách nửa vòng trái đất, quê mẹ nổi nhớ khôn nguôi. Con ngựa Hồ còn nhớ quê cơ mà! Hỏi ai mà chẳng động lòng nhớ thương.

*Nhớ Sài Gòn, 40 năm Sài Gòn đổi chủ
(30/4/2015)*

Trương Văn Nghi



Tượng Đức Trần Hưng Đạo 1968